

NỘI DUNG HỌC TRỰC TUYẾN MÔN NGỮ VĂN KHỐI 11

NĂM HỌC: 2021-2022

TUẦN 1, 2:

VÀO PHỦ CHÚA TRỊNH

(Trích *Thượng kinh kí sự*)

-Lê Hữu Trác-

I. Tìm hiểu chung:

1. Tác giả:

.....

2. Tác phẩm “TKKS” và đoạn trích “VPCT”:

a. Tác phẩm “TKKS”:

.....

b. Đoạn trích “VPCT”:

3. Thể loại:

II. Đọc - hiểu văn bản:

1. Nội dung:

1. Tác giả kể chuyện được vua cho đem cáng đến đón vào cung chữa bệnh:	2. Tác giả kể và tả những điều mắt thấy tai nghe khi được dẫn vào cung:	3. Tác giả kể và tả việc đi sâu vào nội cung và khám bệnh cho thế tử:	4. Tác giả nhận định bệnh và đề ra phương án chữa bệnh:
Cảnh bên ngoài:	Cảnh bên trong:	Cảnh thâm cung:	Bắt mạch, kê đơn:

2. Nghệ thuật:

III. Tổng kết:

CHỦ ĐỀ: THƠ THẮT NGÔN BÁT CÚ ĐƯỜNG LUẬT MỘT SỐ THỂ LOẠI THƠ

I. Quan niệm chung về loại, thể văn học

- Cơ sở chung để phân chia loại thể văn học là dựa vào phương thức (cách thức phản ánh hiện thực, tình cảm của tác phẩm).

1. Loại.

- Là phương thức tồn tại chung, là loại hình, chủng loại. Tác phẩm văn học được chia làm 3 loại: tự sự, trữ tình, trào phúng

2. Thể

- Là hiện thực hóa của loại, nhỏ hơn loại.

- Căn cứ để phân chia đa dạng: Có khi dựa vào độ ngắn dài; đề tài; cấu trúc; tính chất mâu thuẫn; cảm hứng chủ đạo...
- Có một thể loại tồn tại độc lập: Văn nghị luận

II. Thể loại thơ

1. Khái lược về thơ

a/ Đặc trưng của thơ

- Là một thể loại văn học có phạm vi phổ biến rộng và sâu.
- Thơ tác động đến người đọc bằng sự nhận thức cuộc sống, những liên tưởng, tưởng tượng phong phú.
- Thơ ca là tấm gương phản chiếu tâm hồn, là tiếng nói của tình cảm con người, những rung động của trái tim trước cuộc đời.
- Thơ chú trọng đến cái đẹp, phần thi vị của tâm hồn con người và cuộc sống khách quan.
- Cốt lõi cơ bản của thơ là trữ tình.
- Ngôn ngữ thơ cô đọng, hàm súc, giàu nhịp điệu, hình ảnh sinh động, được tổ chức đặc biệt theo thể thơ.

b/ Phân loại thơ.

- Phân loại theo nội dung biểu hiện có:
 - + Thơ trữ tình
 - + Thơ tự sự
 - + Thơ trào phúng
 - Phân loại theo cách thức tổ chức có:
 - + Thơ cách luật.
 - + Thơ tự do.
 - + Thơ văn xuôi.
- ### 2. Yêu cầu về đọc thơ.
- Cần biết rõ tên bài thơ, tập thơ, tác giả, hoàn cảnh sáng tác...
 - Đọc kĩ văn bản, cảm nhận ý thơ qua từng dòng, từng câu, từng từ, từng hình ảnh, nhịp điệu...
 - Lí giải, đánh giá về nội dung và nghệ thuật.

III. Tổng kết:

CHỦ ĐỀ: THƠ THẤT NGÔN BÁT CÚ ĐƯỜNG LUẬT TRỮ TÌNH

- Hồ Xuân Hương –

I. Tìm hiểu chung:

1. Tác giả:
2. Tác phẩm:

II. Đọc – hiểu:

1. Hai câu đề:

- Thời gian: Đêm khuya

- Không gian vắng vẻ với bước đi dồn dập của thời gian “ tiếng trống canh dồn”→ Tâm trạng cô đơn, tủi hổ của Hồ Xuân Hương.

Nghệ thuật đối lập:

Cái hồng nhan >< nước non.

Cái – hồng nhan, từ “ tro”

→ Cách dùng từ: Cụ thể hóa, đồ vật hóa, rẻ rúng hóa cuộc đời của chính mình.

→ Câu thơ ngắt làm 3 như một sự chệch, bề bồng, buồn bực. Cái *hồng nhan* ấy không được quân tử yêu thương mà lại vô duyên, vô nghĩa, tro lì ra với nước non.

=> Hai câu thơ tạc vào không gian, thời gian hình tượng một người đàn bà trầm uất, đang đối diện với chính mình.

2. Hai câu thực:

- “ Say lại tỉnh” gợi lên cái vòng quẩn quanh, tình duyên trở thành trò đùa của con tạo, càng say càng tỉnh càng cảm nhận nỗi đau của thân phận

- Uống rượu mong giải sầu nhưng không được, say lại tỉnh, tỉnh càng buồn hơn.

- Hình ảnh người phụ nữ uống rượu một mình giữa đêm trăng, đem chính cái hồng nhan của mình ra làm thức nhắm, để rồi sững sờ phát hiện ra rằng trong cuộc đời mình không có cái gì là viên mãn cả, đều đang dở, muộn màng.

- Hai câu đối thanh nghịch ý: Người say lại tỉnh >< trăng khuyết vẫn khuyết → Vô cùng cô đơn, buồn và tuyệt vọng.

3. Hai câu luận:

- Động từ mạnh: Xiên ngang, đâm toạc-> Tả cảnh thiên nhiên kì lạ phi thường, đầy sức sống: Muốn phá phách, tung hoành - cá tính Hồ Xuân Hương: Mạnh mẽ, quyết liệt, tìm mọi cách vượt lên số phận.

- Phép đảo ngữ và nghệ thuật đối: Sự phẫn uất của thân phận rêu đá, cũng là sự phẫn uất, phản kháng của tâm trạng nhân vật trữ tình.

4. Hai câu kết:

- Hai câu kết khép lại lời tự tình.

→

Nỗi đau về thân phận lẻ mọn, ngán ngẫm về tuổi xuân qua đi không trở lại, nhưng mùa xuân của đất trời vẫn cứ tuần hoàn.

→ Nỗi đau của con người lâm vào cảnh phải chia sẻ cái không thể chia sẻ:

Mảnh tình - san sẻ - tí - con con.

Đó là nỗi lòng của người phụ nữ ngày xưa khi với họ hạnh phúc chỉ là chiếc chăn bông quá hẹp.

→ Câu thơ nát vụn ra, vật vã đến nhức nhối vì cái duyên tình hẩm hiu, lận đận của nhà thơ. Càng gắng gượng vươn lên càng rơi vào bi kịch.

5. Nghệ thuật:

Sử dụng từ ngữ độc đáo, sắc nhọn, tả cảnh sinh động đưa ngôn ngữ đời thường vào thơ.

III. Tổng kết:

Qua bài thơ ta thấy được bản lĩnh HXH được thể hiện qua tâm trạng đầy bi kịch: vừa buồn tủi vừa phẫn uất trước tình cảnh éo le, vừa cháy bỏng khao khát được hạnh phúc.

CHỦ ĐỀ: THƠ THẤT NGÔN BÁT CÚ ĐƯỜNG LUẬT CÂU CÁ MÙA THU

- Nguyễn Khuyến-

I. Tìm hiểu chung:

1. Tác giả:.....

2. Tác phẩm:

+ Vị trí :

+ Đề tài:

+ Hoàn cảnh sáng tác:

II. Đọc – hiểu :

1. Cảnh thu:

- Điềm nhìn từ trên thuyền câu -> nhìn ra mặt ao nhìn lên bầu trời -> nhìn tới ngõ vắng -> trở về với ao thu.

-> Cảnh thu được đón nhận từ gần -> cao xa -> gần. Cảnh sắc thu theo nhiều hướng thật sinh động với hình ảnh vừa đối lập vừa cân đối, hài hòa.

- Mang nét riêng của cảnh sắc mùa thu của làng quê Bắc bộ: Không khí dịu nhẹ, thanh sơ của cảnh vật:

+ Màu sắc: *Trong veo, sóng biếc, xanh ngát*

+ Đường nét, chuyển động: *Hơi gợn tí, khẽ đưa vèo, mây lơ lửng.*

-> Hình ảnh thơ bình dị, thân thuộc, không chỉ thể hiện cái hồn của cảnh thu mà còn thể hiện cái hồn của cuộc sống ở nông thôn xưa.

"Cái thú vị của bài *Thu điếu* ở các điệu xanh, xanh ao, xanh bờ, xanh sóng, xanh trúc, xanh trời, xanh bèo" (Xuân Diệu).

- Không gian thu tĩnh lặng, phẳng phất buồn:

+ Vắng teo

+ Trong veo

+ Khẽ đưa vèo

+ Hơi gợn tí.

+ Mây lơ lửng

Các hình ảnh được miêu tả

trong trạng thái ngưng

chuyển động, hoặc chuyển

động nhẹ, khẽ.

- Đặc biệt câu thơ cuối tạo được một tiếng động duy nhất: *Cá đâu đớp động dưới chân bèo*

-> Không phá vỡ cái tĩnh lặng, mà ngược lại nó càng làm tăng sự yên ắng, tĩnh mịch của cảnh vật -> Thủ pháp lấy động nói tĩnh.

2. Tình thu:

- Nói chuyện câu cá nhưng thực ra là để đón nhận cảnh thu, trời thu vào cõi lòng.

+ Một tâm thế nhàn: Tựa gối ôm cần

+ Một sự chờ đợi: Lâu chẳng được.

+ Một cái chợt tỉnh mơ hồ: Cá đâu đớp động..

- Không gian thu tĩnh lặng như sự tĩnh lặng trong tâm hồn nhà thơ, khiến ta cảm nhận về một nỗi cô đơn, man mác buồn, uẩn khúc trong cõi lòng thi nhân.

-> Nguyễn khuyến có một tâm hồn gắn bó với thiên nhiên đất nước, một tấm lòng yêu nước thầm kín mà sâu sắc.

3. Đặc sắc nghệ thuật.

- Cách gieo vần đặc biệt: Vần " eo "(tử vận) khó làm, được tác giả sử dụng một cách thần tình, độc đáo, góp phần diễn tả một không gian vắng lặng, thu nhỏ dần, khép kín, phù hợp với tâm trạng đầy uẩn khúc của nhà thơ.
- Lấy động nói tĩnh- nghệ thuật thơ cổ phương Đông.
- Vận dụng tài tình nghệ thuật đối.

III. Tổng kết:

CHỦ ĐỀ: THƠ THẤT NGÔN BÁT CÚ ĐƯỜNG LUẬT THƯƠNG VỢ

-Trần Tế Xương-

I. Tìm hiểu chung:

1. Tác giả:.....

2. Tác phẩm:.....

II. Đọc – hiểu:

1. Hai câu đề:

✓ Kể về công việc làm ăn và gánh nặng mà bà Tú phải đảm đương:

- *Quanh năm* : Cách tính thời gian vất vả, triền miên, hết năm này sang năm khác.
 - *Mom sông* : Địa điểm làm ăn cheo leo, nguy hiểm, không ổn định.
 - *Nuôi đủ 5 con... 1 chồng* : Bà Tú nuôi 6 miệng ăn. Ông Tú tự coi mình như một thứ con riêng đặc biệt (Một mình ông = 5 người khác).
- Lòng biết ơn sâu sắc công lao của bà Tú đối với cha con ông Tú. Lòng vị tha cao quý của bà càng thêm sáng tỏ.

2. Hai câu thực:

✓ Đặc tả cảnh làm ăn vất vả đẻ mưu sinh của bà Tú.

- *Lặn lội thân cò*: Vất vả, đơn chiếc khi kiếm ăn.
 - *Quăng văng, dò đông*: Cảnh kiếm sống chơi vơi, nguy hiểm.
 - *Eo sèo*: Chen lấn, xô đẩy, vì miếng cơm manh áo của chồng con mà đành phải rơi vào cảnh liều lĩnh cau có, giành giật.
 - Nghệ thuật đảo ngữ: Sự vất vả, sự hi sinh lớn lao của bà Tú đối với gia đình.
- Nói bằng tất cả nỗi chua xót. Thấm đẫm tình yêu thương.

3. Hai câu luận:

- *Một duyên / năm nắng*
 - *Hai nợ / mười mưa*
 - *Áu đành phận / dám quản công*
- Câu thơ như một tiếng thở dài cam chịu. Cách sử dụng phép đối, thành ngữ, từ ngữ dân gian, bộc lộ kiếp nặng nề nhưng rất mực hi sinh của bà Tú.
- Dùng số từ tăng tiến: 1-2-5-10: Đức hi sinh thầm lặng cao quý. Bà Tú hiện thân của một cuộc đời vất vả, lận đận. Ở bà hội tụ tất cả đức tính tần tảo đảm đang, nhẫn nại. Tất cả hi sinh cho chồng con.

→ Ông Tú hiểu được điều đó có nghĩa là vô cùng thương bà Tú. Nhân cách của Tú Xương càng thêm sáng tỏ.

4. Hai câu kết:

- Tú Xương tự chửi mình vì cái tội làm chồng mà hờ hững, để vợ phải vất vả lặn lội kiếm ăn. Ông vừa cay đắng vừa phần nộ.
 - Tú Xương chửi cả xã hội, chửi cái thói đời đều cang, bạc bẽo để cho bà Tú vất vả mà vẫn nghèo đói.
 - Từ tấm lòng thương vợ đến thái độ đối với xã hội
- => Nhân cách của Tú Xương ân tình, nhân ái, chân thật.

5. Nghệ thuật:

- Vận dụng sáng tạo ngôn ngữ và thi liệu văn hóa dân gian.
- Kết hợp nhuần nhuyễn giữa trữ tình và trào phúng.

III. Tổng kết:

- Chân dung người vợ trong cảm xúc yêu thương cùng tiếng cười tự trào và một cách nhìn về thân phận người phụ nữ của Tú Xương.

---HẾT---